

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-08-2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Bà Ngô Thị Mai.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 255/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện L, tỉnh BG

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyệnL, tỉnhBG

(Chị B, anh T vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân : Chị và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện L vào ngày 08/4/2005. Trước khi đăng ký kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương . Sau khi kết hôn, chị về nhà anh T làm dâu ngay . Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ

năm 2019, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi lô đề cờ bạc và nhả tin qua lại với người phụ nữ khác, từ đó tình cảm vợ chồng sút mẻ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế. Nay bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 23/10/2006 và Nguyễn Thị Lo, sinh ngày 13/7/2010. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh T có nguyện vọng được nuôi con, chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Lo, sinh ngày 13/7/2010; giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị P, sinh ngày 23/10/2006. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 12/7/2022 như sau:* Anh và chị T đăng ký kết hôn ngày 09/4/2005 tại UBND xã TL, huyện L. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc. Từ đầu tháng 7 năm 2022 khi vợ chồng nói chuyện bàn bạc về kinh tế thì mới xảy ra mâu thuẫn. Bản thân anh có chơi lô đề nhưng anh không bắt chị B phải trả nợ, việc chị B cho rằng anh nhả tin với người phụ nữ khác là không đúng. Nay chị B làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh không đồng ý vì gia đình hai bên đều theo đạo Thiên Chúa giáo không được phép ly hôn và anh xác định vẫn còn tình cảm với chị B.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị B trình bày, trường hợp chị B kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại biên bản xác minh với đại diện chính quyền địa phương thì đại diện chính quyền địa phương cho biết như sau:* Chị B và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Tiên Lục. Sau khi kết hôn, chị B về nhà anh T làm dâu ngay. Quá trình chung sống địa phương không thấy chị B và anh T xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên khoảng hơn 1 năm nay chị B mở cửa hàng spa làm đẹp ở huyện khác thì ít khi về nhà. Anh chị có 02 con chung, hiện nay các con đang ở nhà cùng anh T, thì thoảng chị B với về qua nhà. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

\* Qua xác minh với bà Nguyễn Thị Vẽ - mẹ đẻ của anh Nguyễn Đình T thể hiện: Anh T và chị B có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn chị B về nhà bà làm dâu chung sống cùng gia đình một thời gian gần thì anh chị ra ở riêng Ông bà không nắm được mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị. Nay chị B mở cửa hàng làm đẹp ở Việt Yên nên ít về nhà Gia đình mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Giữa anh chị có 02 con chung, các cháu đã lớn và đã hiểu mọi chuyện. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh T ở nhà, thì thoảng chị B về thăm.

\* Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị P trình bày: Cháu muốn ở cùng cả bố và mẹ, không muốn bố mẹ ly hôn.

\* Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Lo trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, không mở phiên họp hòa giải do chị B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 328, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng xử cho chị B được ly hôn anh T; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị P, sinh ngày 23/10/2006 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Nguyễn Thị Lo, sinh ngày 13/7/2010 cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét (HĐXX) thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị B cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, do bị đơn anh T cư trú tại thôn T, xã TL, huyện L, tỉnh BG nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 và 328 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vào ngày 09/4/2005 nên xác định quan hệ hôn nhân của chị B và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Chị B xác định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân là do anh T chơi lô đề cờ bạc và nhả tin với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm sút mẻ. Anh T thừa nhận anh có chơi lô đề cờ bạc nhưng nợ nần anh tự trả không bắt chị B phải trả, từ đầu tháng 7 năm 2022 vợ chồng bàn bạc về kinh tế nên xảy ra mâu thuẫn, anh không thừa nhận việc nhả tin qua lại với người phụ nữ khác. Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị B, gia đình hai bên đều theo đạo Thiên chúa giáo nên anh không đồng ý ly hôn. Chị B xác định chị không còn tình cảm với anh T, chị kiên quyết xin ly hôn và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng sống chung thủy, yêu thương tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt, nhưng hôn nhân của chị B và anh T không đạt được mục đích đó. Hơn 01 năm trở lại đây anh chị sống xa nhau do điều kiện công việc khiến tình cảm vợ chồng bị xa cách, anh T mặc dù không muốn ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác chị B kiên quyết xin ly hôn, do đó Tòa án căn cứ Điều

56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị B và được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

[3]. Về con chung: Chị B và anh T đều thừa nhận, quá trình chung sống với nhau anh chị có 02 con chung cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 23/10/2006 và Nguyễn Thị Lo, sinh ngày 13/7/2010. Khi ly hôn, cả chị B và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. HĐXX xét thấy, nguyện vọng của chị B và anh T là chính đáng của người làm cha làm mẹ. Cả chị B và anh T hiện nay đều có công việc, thu nhập ổn định. Chị B mở cửa hàng Spa làm đẹp thu nhập khoảng 30.000.000đ/tháng; anh T chạy xe tải chở hàng thu nhập bình quân 25.000.000đ - 30.000.000đ/tháng. Cháu P không mong muốn bố mẹ ly hôn, muốn ở cùng cả bố và mẹ, cháu Lo có nguyện vọng được ở cùng chị B. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84- Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Lo, sinh ngày 13/7/2010; giao cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị P, sinh ngày 23/10/2006.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Chị B, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, 235, Điều 328, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Lo, sinh ngày 13/7/2010 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 23/10/2006 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị B, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012999 ngày 04/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị B đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị B, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vũ Thị Thiêm**